

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **299/2021/HN-ST**

Ngày: 21/6/2021

V/v “*Xin ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trương Hoàng Hoa**

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Văn Nguyễn** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 145/2021/TLST-HN ngày 8/4/2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HN ngày 10 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Hồng A** – sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: **Thái Ngọc B** - sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A trình bày: chị và anh B sống chung năm 2014, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh B cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có hai cháu tên Thái Thị Ngọc C, sinh ngày 5/12/2014 và Thái Ngọc D, sinh ngày 7/11/2018 hiện đang sống với anh B, ly hôn chị đồng ý để hai con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Thái Ngọc B vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A. Về con chung: giao cháu Thái Thị Ngọc C, sinh ngày 5/12/2014 và cháu Thái Ngọc D, sinh ngày 7/11/2018 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; nợ chung, nợ riêng: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Thái Ngọc B sống chung năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn anh Thái Ngọc B mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về tình cảm: chị A vẫn yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Chị A và anh B ly thân từ năm 2020 đến nay. Phía bị đơn anh Thái Ngọc B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh cũng không đến trình bày ý kiến và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B ban đầu không lớn nhưng anh chị không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm với nhau từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh B chị A không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình với nhau. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A anh B không thể cùng chung

sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị Hòa yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về con chung: có hai cháu tên Thái Thị Ngọc C, sinh ngày 5/12/2014 và cháu Thái Ngọc D, sinh ngày 7/11/2018 hiện đang sống với anh B. Ly hôn chị A đồng ý để anh B tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu hiện nay đang sống ổn định với anh B và anh B cũng không có tranh chấp đối với việc anh nuôi hai con chung nên tiếp tục giao cháu Ngọc C và D cho anh B nuôi dưỡng.

[4.3] Về vấn đề cấp dưỡng: chị A trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B không có ý kiến gì đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung nên chị A không phải cấp dưỡng.

[4.4] Về tài sản chung: chị A trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.5] Về nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A.

[1] Về tình cảm: chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Thái Ngọc B.

[2] Về con chung: Giao cháu Thái Thị Ngọc C, sinh ngày 5/12/2014 và cháu Thái Ngọc D, sinh ngày 7/11/2018 cho anh Thái Ngọc B tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004794 ngày 31/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên